

Số: 30/2024/QĐST-DS

Lộc Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 190/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: 1/ Ông Lê Cảnh C, sinh năm 1983

2/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1973

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Khu phố P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Phước.

3/ Bà Đinh Thị D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 1, thôn 4, xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00031, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số

00032, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết ngày 03/01/2023 giữa ông Trần Ngọc M, bà Nguyễn Thị Thanh Th với ông Nguyễn Công T, bà Đinh Thị D tại Văn phòng công chứng Vi Văn Tiến

- Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Công T, bà Đinh Thị D đối với các thửa đất gồm: Thửa đất số 2483, tờ bản đồ số: TĐ 3120-2022; diện tích 1.043,1m², địa chỉ ấp Bù Núi B, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS05963 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2022 và Thửa đất số 2484, tờ bản đồ số: TĐ 3121-2022; diện tích 1.044,4m², địa chỉ ấp Bù Núi B, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS05964 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2022. Hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đứng tên ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thanh Thuý.

- Đến ngày 16/7/2024, ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thanh Thuý giao hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS05963 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2022 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS05964 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2022 cho ông T, bà D để ông T, bà D làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Ông Lê Cảnh C đồng ý chịu trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 580.000.000 đồng (năm trăm tám mươi triệu đồng).

Về phương thức và thời hạn trả nợ: Ông Lê Cảnh C trả dần, đến ngày 16/7/2024, ông C trả cho ông M, bà Th số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Số tiền còn lại là 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng) ông C trả dần, bắt đầu từ ngày 16/8/2024 mỗi tháng ông C trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi hết số nợ 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Trong trường hợp ông C vi phạm thời hạn trả nợ thì ông M, bà Th có quyền yêu cầu ông C trả một lần hết toàn bộ số tiền 580.000.000 đồng (năm trăm tám mươi triệu đồng).

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Công T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0010854 ngày 27/11/2023. Sau khi khấu trừ Chi cục Thi hành án dân sự trả lại cho ông T số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Ông Lê Cảnh C chịu 13.600.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Trần Ngọc M, bà Nguyễn Thị Thanh Thuý, bà Trần Thị H và bà Đinh Thị D không phải chịu án phí.

2.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Oanh